

CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NĂM 2023

Năm 2022 triển khai 12 chỉ số chất lượng:

1. Chỉ số 1: Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến
2. Chỉ số 2: Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên
3. Chỉ số 3: Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ
4. Chỉ số 5: Số sự cố y khoa nghiêm trọng
5. Chỉ số 6: Số sự cố ngoài y khoa nghiêm trọng
6. Chỉ số 7: Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh
7. Chỉ số 8: Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh
8. Chỉ số 9: Công suất sử dụng giường bệnh thực tế
9. Chỉ số 11: Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong tất cả các bệnh
10. Chỉ số 12: Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)
11. Chỉ số 15: Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế
12. Chỉ số 16: Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh

TT	Chỉ số	Tên chỉ số chất lượng	Khoa, phòng thực hiện (Cá nhân thực hiện)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Chỉ số 1	Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến (%)	Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ		49,18		60,47 <i>(2565/4242)</i>
2	Chỉ số 2	Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên (%)	Khoa Ngoại tổng hợp		20 <i>(5/25)</i>		47,61 <i>(10/21)</i>
3	Chỉ số 3	Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ (%)	Khoa Ngoại tổng hợp Khoa KSNK	0%	0 <i>(0/25)</i>	9,09 <i>(1/11)</i>	0 <i>(0/10)</i>
4	Chỉ số 5	Số sự cố y khoa nghiêm trọng (%)	Phòng Điều dưỡng	0%	0	0	0
5	Chỉ số 6	Số sự cố ngoài y khoa nghiêm trọng (%)	Phòng Điều dưỡng	0%	0	0	0
6	Chỉ số 7	Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh (phút)	Khoa khám bệnh Khoa Liên chuyên khoa	44,23	49,316 <i>(802183/16266)</i>	51,18 <i>(815.539/15.934)</i>	47,23 <i>(777625/1646)</i>

TT	Chỉ số	Tên chỉ số chất lượng	Khoa, phòng thực hiện (Cá nhân thực hiện)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
7	Chỉ số 8	Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh (ngày)	Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	4,82	5,29 (2342/12408)	5,28 (/2.087/11.022)	4,87 (13079/2681)
8	Chỉ số 9	Công suất sử dụng giường bệnh thực tế (%)	Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ		49,92 (23988/48048)		49,90 [48089/(264*365)]
9	Chỉ số 11	Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong tất cả các bệnh (%)	Khoa HSCC&CD	0,0005	0,001 <i>((2+3)/1730)</i>	0,0006 <i>((1+5)/1633)</i>	0,0004 <i>(1 tử vong+5 nặng XV/2050)</i>
10	Chỉ số 12	Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh) (%)	Khoa HSCC&CD	0,05	0,04 (72/1730)	0,03 (54/1633)	0,03 (69/2050)
11	Chỉ số 15	Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế (%)	Phòng TCHCQT		90,59 (231/255)		99,69

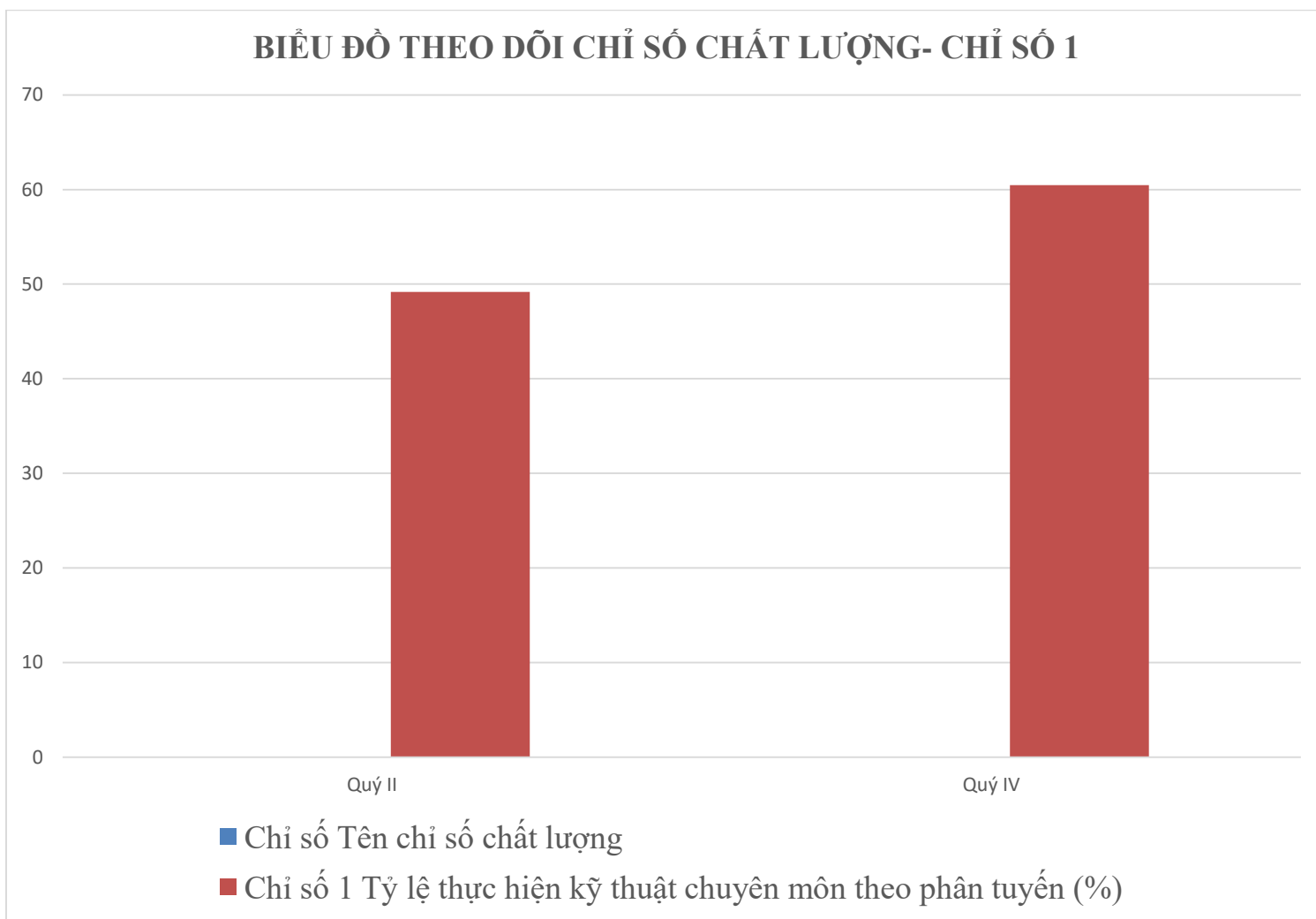
TT	Chỉ số	Tên chỉ số chất lượng	Khoa, phòng thực hiện (Cá nhân thực hiện)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
12	Chỉ số 16	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh (%)	Phòng Điều dưỡng	99,75	90,59 (231/255)	97,93	99,96

**TM. HĐ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
CHỦ TỊCH**

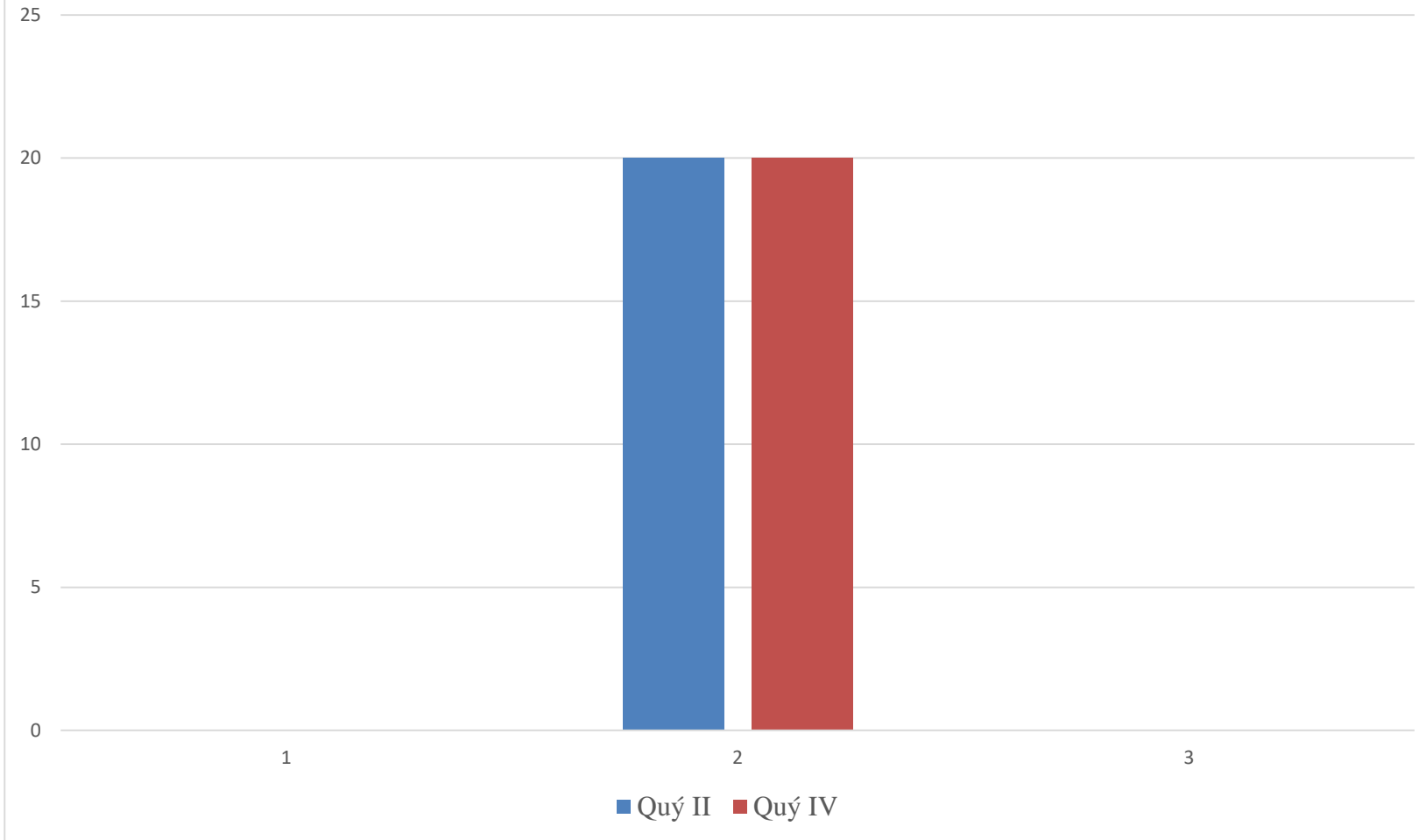


**BSK2. Trần Thanh Quang
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ**

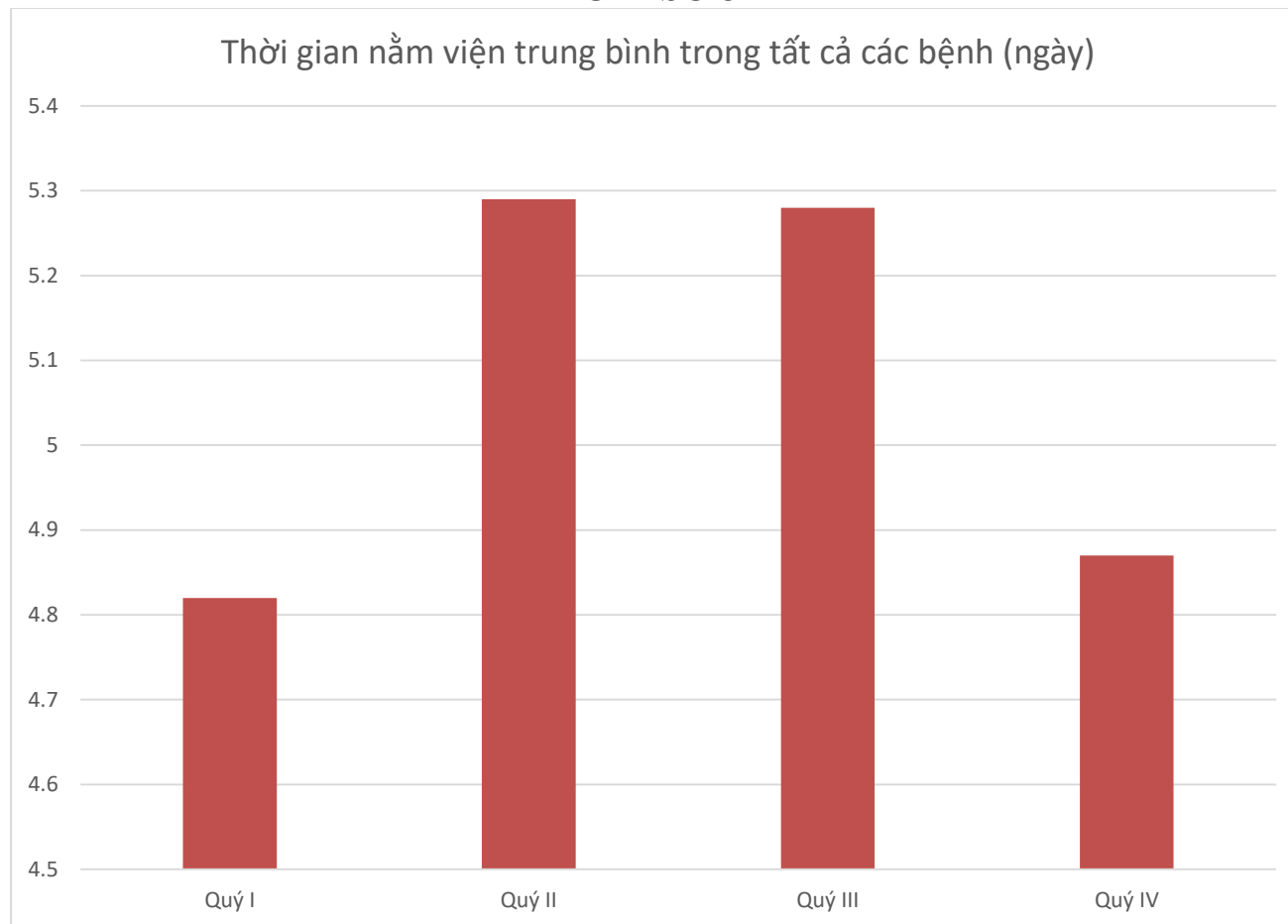
BIỂU ĐỒ THEO DÕI CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NĂM 2023



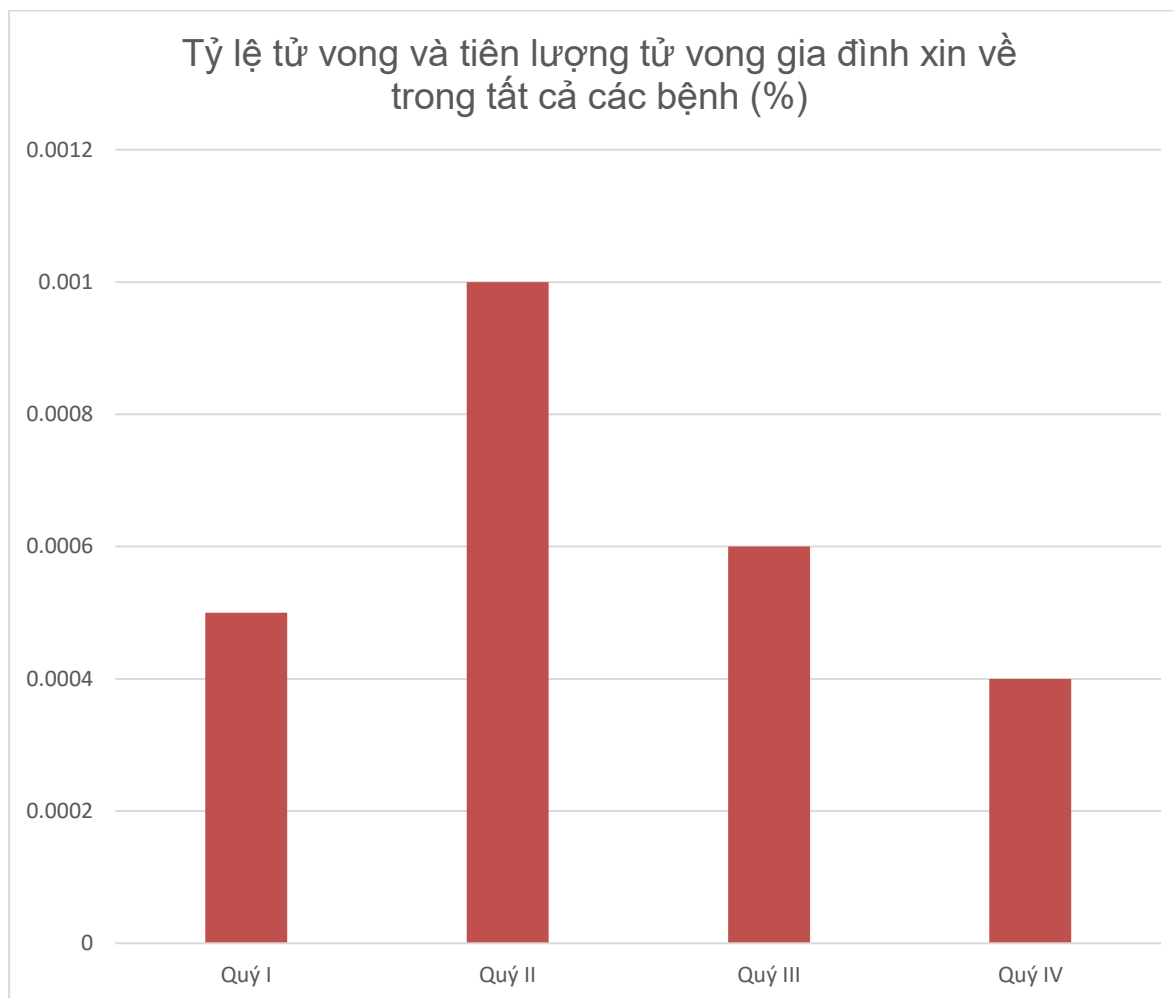
BIỂU ĐỒ THEO DÕI CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG- CHỈ SỐ 2



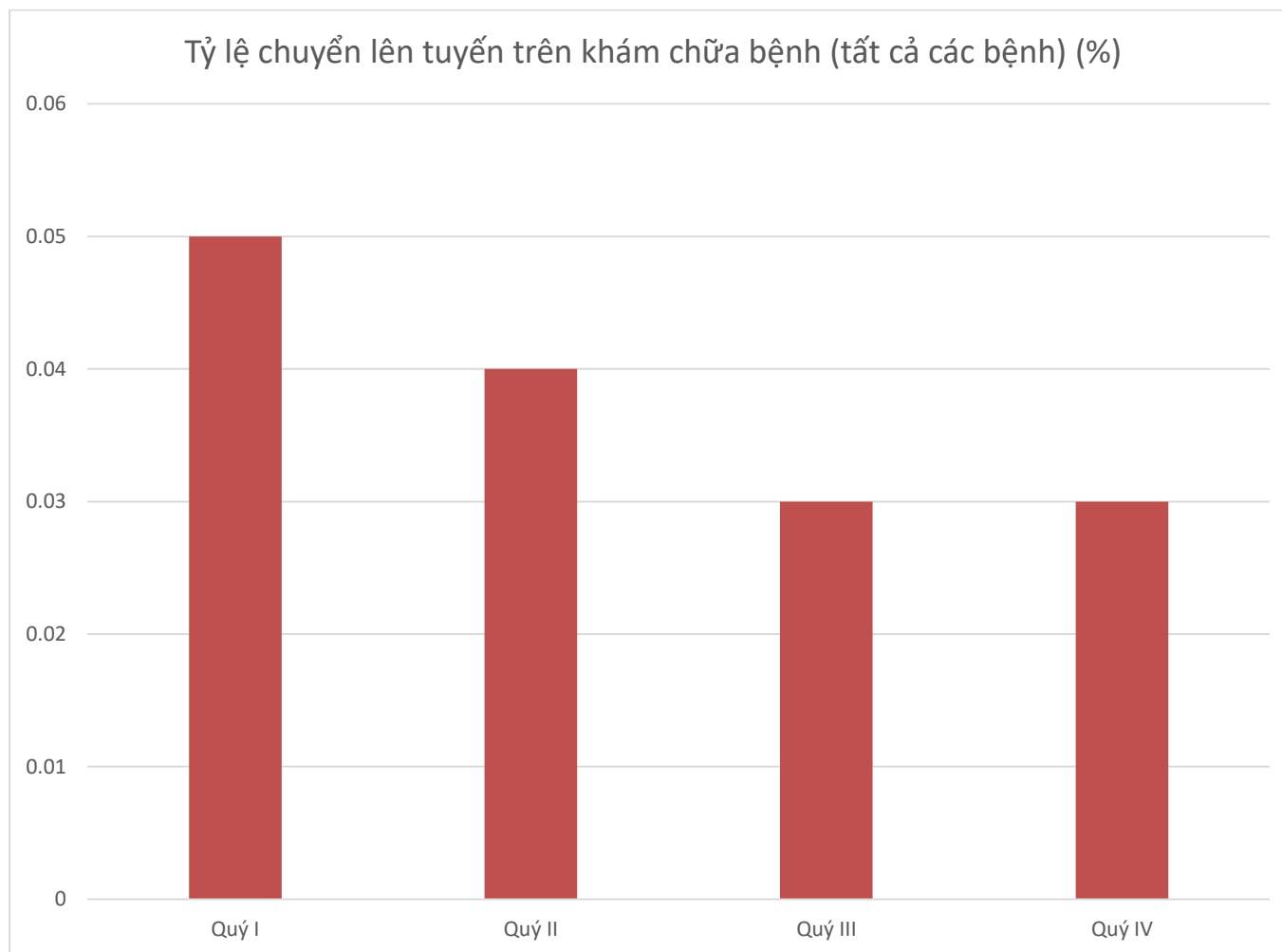
**BIỂU ĐỒ THEO DÕI
THỜI GIAN NẪM VIỆN TRUNG BÌNH TRONG TẤT CẢ CÁC BỆNH (NGÀY)
CHỈ SỐ 8**



BIỂU ĐỒ THEO DÕI
TỶ LỆ TỬ VONG VÀ TIÊN LƯỢNG TỬ VONG GIA ĐÌNH XIN VỀ TRONG TẤT CẢ CÁC BỆNH
CHỈ SỐ 11



BIỂU ĐỒ THEO DÕI
TỶ LỆ CHUYỂN LÊN TUYẾN TRÊN KHÁM CHỮA BỆNH (TẤT CẢ CÁC BỆNH) (%)
CHỈ SỐ 12



BIỂU ĐỒ THEO DÕI
TỶ LỆ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH VỚI DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH (%)
CHỈ SỐ 16

